

XÃ HỘI HOÁ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT - CÁC MÔ HÌNH TIÊU BIỂU TRÊN THẾ GIỚI VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM¹

ĐÀO LỆ THU*
NHÓM TÁC GIẢ**

Tóm tắt: Xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng sự tham gia của toàn xã hội cùng với nhà nước thực hiện công tác nâng cao nhận thức và hiểu biết về pháp luật của người dân. Trong khi Việt Nam đang phải trăn trở với việc triển khai phương thức xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, việc tìm hiểu những mô hình tiêu biểu trên thế giới và phát hiện những yếu tố hợp lý để áp dụng trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là rất cần thiết. Bài viết trước hết chỉ ra nhu cầu, cơ sở của việc xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên thế giới và đặc biệt là tại Việt Nam. Tiếp đó, trên cơ sở nghiên cứu một số mô hình tiêu biểu về xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại các quốc gia, bài viết đề xuất một số gợi mở về tiếp thu những mô hình thích hợp với Việt Nam cũng như tiếp tục tăng cường hiệu quả của những mô hình hiện có.

Từ khoá: Xã hội hoá; phổ biến pháp luật; giáo dục pháp luật; mô hình tiêu biểu; gợi mở cho Việt Nam
Nhận bài: 23/12/2024 Hoàn thành biên tập: 27/02/2025 Duyệt đăng: 27/02/2025

SOCIETY'S PARTICIPATION IN LEGAL DISSEMINATION AND EDUCATION – GOOD MODELS OVER THE WORLD AND SUGGESTIONS FOR VIETNAM

Abstract: The society's participation in legal dissemination and education plays a crucial role in alleviating the state's responsibility in raising the people's legal awareness and understanding. As Vietnam has been struggling with engaging the society in such activities, studying good models around the world and identifying suitable factors that can be applied in the context of building the rule of law state in Vietnam is essential. The article first discusses the necessity and conditions for engaging the society in legal dissemination and education both in the world and especially in Vietnam. Then, based on studying prominent models of social participation in legal dissemination and education worldwide, the article proposes some suggestions aimed at improving and strengthening these activities in Vietnam.

Keywords: Societal participation; legal education; legal dissemination; good models, suggestions for Vietnam

Received: 23 December 2024; Editing completed: 27 February 2025; Accepted for publication: 27 February 2025

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, E-mail: daolethu@hlu.edu.vn

** Nguyễn Ngọc Trâm Anh, Nguyễn Thị Thu Minh, Nguyễn Bảo Ngọc - Sinh viên Khoa 46, Trường Đại học Luật Hà Nội

¹ Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên “Xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật - Kinh nghiệm một số quốc gia và bài học cho Việt Nam”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024-2025.

1. Đặt vấn đề

Trước yêu cầu xây dựng một xã hội hoà bình, ổn định, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đóng vai trò quan trọng, làm cầu nối đưa các chính sách, pháp luật của nhà nước đi vào cuộc sống.

Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) là hoạt động truyền bá pháp luật nhằm nâng cao tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật, từ đó nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của đối tượng được tác động². Trong đó, phổ biến pháp luật (PBPL) là việc truyền tải thông tin pháp luật tới các tầng lớp dân cư trong xã hội, còn giáo dục pháp luật (GDPL) có mục đích sâu sắc hơn là hình thành ở đối tượng được giáo dục tình cảm pháp lí và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của pháp luật hiện hành. Mỗi công tác này có nhu cầu khác nhau nhất định về nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu của công tác.

Với mục đích và ý nghĩa quan trọng như vậy, công tác PBGDPL đòi hỏi những nguồn lực rộng khắp và sự chung tay của cộng đồng cùng với nhà nước. Do đó, xã hội hoá sẽ là giải pháp huy động được những nguồn lực rộng lớn đó và sẽ mang lại lợi ích lâu dài, bền vững đối với công tác này. Phương thức xã hội hoá huy động sự tham gia tích cực của các cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức xã hội, điều này không chỉ giúp giảm tải gánh nặng ngân sách nhà nước, mà còn góp phần đa dạng hoá phương pháp tuyên

truyền, đảm bảo khả năng tiếp cận pháp luật một cách thuận lợi và hiệu quả hơn cho người dân.

Ở Việt Nam, công tác xã hội hoá PBGDPL đã và đang được triển khai với sự tham gia của các chủ thể khác nhau, tuy nhiên hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Theo Báo cáo số 210/BC-HLGVN ngày 18/8/2021 của Hội Luật gia Việt Nam về Tổng kết thực hiện Đề án “Xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lí” giai đoạn 2017-2021, các chủ thể xã hội tham gia hoạt động PBGDPL bằng tinh thần tự nguyện với nguồn lực tự có, còn thụ động, không bền vững, chưa hiệu quả; chưa có quy định về mô hình, cơ chế thực hiện xã hội hoá PBGDPL; thiếu cơ chế phát huy tiềm năng, khuyến khích hình thành các tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ công, hoạt động mang tính chuyên nghiệp, bền vững về PBGDPL. Bộ Tư pháp cũng chỉ ra hạn chế là việc huy động các nguồn lực xã hội cho công tác PBGDPL còn chưa nhiều vì chưa có cơ chế, chính sách khuyến khích cụ thể để thu hút sự tham gia của toàn xã hội vào công tác PBGDPL³. Vì vậy, việc nghiên cứu những mô hình tiêu biểu về xã hội hoá PBGDPL từ các quốc gia trên thế giới - là những mô hình mà ở đó huy động hiệu quả sự góp sức của những lực lượng có chuyên môn pháp luật ngoài các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để hoàn thiện mô hình xã hội hoá PBGDPL tại Việt Nam là cần thiết và có ý nghĩa.

² Bộ Tư pháp (2002), “Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật”, *Kỷ yếu Dự án VIE/98/001 về Tăng cường năng lực pháp luật tại Việt Nam - giai đoạn II*, Nxb. Hà Nội.

³ Bộ Tư pháp (2023), Báo cáo số 45/BC-BTP ngày 15/02/2023 của Bộ Tư pháp về Tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Tính chất, nhu cầu và cơ sở của xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Việc nhận thức tính chất của xã hội hoá công tác PBGDPL cần dựa trên tính chất của hoạt động PBGDPL. PBGDPL là “*một loại hình dịch vụ công thuộc chức năng xã hội của Nhà nước, thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp*”⁴. Dịch vụ công được hiểu một cách rộng rãi là những hoạt động phục vụ những nhu cầu, lợi ích chung thiết yếu của người dân, gắn liền với chức năng phục vụ của nhà nước và do nhà nước trực tiếp đảm nhận hay ủy quyền cho các chủ thể ngoài nhà nước thực hiện nhằm đảm bảo trật tự, lợi ích chung và công bằng xã hội⁵. PBGDPL được chứng minh hội tụ đủ các đặc trưng của một dịch vụ công, bao gồm: *một là*, phục vụ cho lợi ích chung thiết yếu của xã hội là bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin và được trang bị hiểu biết pháp luật cần thiết cho mọi người dân; *hai là*, được cung cấp cho tất cả người dân, đặc biệt là những nhóm dễ bị tổn thương để trang bị cho họ kiến thức về quyền và lợi ích hợp pháp; *ba là*, do nhà nước chịu trách nhiệm, dù thực hiện trực tiếp hay thông qua ủy quyền cho các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước; *bốn là*, không nhằm mục đích thu lợi

nhuận mà tập trung vào việc nâng cao nhận thức pháp luật trong cộng đồng, từ đó đảm bảo trật tự, công bằng xã hội⁶.

Với tính chất là một loại hình dịch vụ công, hoạt động PBGDPL có thể được tiến hành qua phương thức xã hội hoá: “*Xã hội hoá cung ứng dịch vụ công, theo quan niệm được chấp nhận phổ biến hiện nay ở Việt Nam là quá trình huy động, tổ chức sự tham gia rộng rãi, chủ động của nhân dân và các tổ chức vào hoạt động cung ứng dịch vụ công trên cơ sở phát huy tính sáng tạo và khả năng đóng góp của mỗi người*”⁷. Như vậy có thể hiểu xã hội hoá công tác PBGDPL là quá trình huy động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của toàn xã hội, đặc biệt là của những lực lượng có chuyên môn về pháp luật vào công tác này. Xã hội hoá là cơ chế xây dựng trách nhiệm cộng đồng của các chủ thể có năng lực trong việc PBGDPL để góp phần củng cố nền tảng cho nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nhu cầu của việc xã hội hoá công tác PBGDPL trước hết thể hiện ở chính mục đích và yêu cầu của công tác này. PBGDPL là hoạt động nhằm trang bị kiến thức pháp luật, từ đó hình thành ý thức tuân thủ pháp luật và gia tăng khả năng tiếp cận pháp lí cho mọi người dân trong xã hội. Trong khi đó, hiểu biết pháp luật vừa là nhu cầu, vừa là yêu cầu cơ bản đối với mỗi người dân trong một xã hội thượng tôn pháp luật. Tuy nhiên, bản chất của pháp luật vốn “*là vấn đề khá*

⁴ Trần Văn Tuyền (2022), *Quan niệm về xã hội hoá hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của nhà nước*, <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=188>, truy cập 08/02/2025.

⁵ Lê Chi Mai (2003), *Cải cách dịch vụ công ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 452; Nguyễn Văn Quang (chủ nhiệm) (2010), *Hoàn thiện khung pháp luật về xã hội hoá cung ứng dịch vụ công ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 12.

⁶ Nguyễn Văn Quang (2010), tldd; Trần Văn Tuyền (2022), tldd.

⁷ Nguyễn Văn Quang (2010), tldd, tr. 16.

phức tạp”⁸, lại “ngự trị trong các mối quan hệ xã hội không ngừng biến đổi theo thời gian”⁹. Điều này tạo ra thách thức đối với những người có nhu cầu tìm hiểu và sử dụng pháp luật nhưng không được đào tạo bài bản. Nhu cầu đó đòi hỏi phải có lực lượng làm “cầu nối” để truyền tải thông tin và kiến thức pháp luật tới mọi người trong xã hội, bất kể vùng miền và trình độ hiểu biết. Về yêu cầu, vì hướng tới thay đổi nhận thức và hình thành thói quen, hành vi tuân thủ pháp luật, PBGDPL phải là quá trình tác động thường xuyên, liên tục, lâu dài, chứ không phải một lần lên đối tượng cần được PBGDPL¹⁰. Bên cạnh đó, sự khác biệt về trình độ học vấn, độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, văn hoá, truyền thống, địa lí... của những chủ thể khác nhau trong xã hội dẫn đến đa dạng nhu cầu pháp lí khác nhau. Hoạt động PBGDPL cũng vì thế phải đa dạng hoá nội dung và hình thức triển khai sao cho phù hợp với từng nhóm cụ thể nhằm giúp họ hiểu, tuân thủ và sử dụng pháp luật vào đời sống hàng ngày hiệu quả. Do vậy, việc thực hiện hiệu quả công tác PBGDPL vừa yêu cầu nguồn lực mọi mặt, từ kinh phí đến nhân lực và cơ sở vật chất lớn, vừa cần đến sự luôn

sẵn lòng và tận lực của những chủ thể có năng lực phù hợp trong xã hội.

Bên cạnh đó, nhu cầu xã hội hoá công tác PBGDPL còn xuất phát từ thực tiễn thiếu hiệu quả của công tác PBGDPL ở một số quốc gia nơi công tác này vẫn bị xem là trách nhiệm của riêng các cơ quan nhà nước. Với những yêu cầu về độ bao phủ rộng, tính thường xuyên và liên tục của công tác PBGDPL, nguồn lực mà những quốc gia đầu tư cho công tác PBGDPL trong thực tế chưa đúng mức khiến cho công tác này chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Theo báo cáo khảo sát của Dự án Công lí Thế giới (World Justice Project - WJP) tại 104 quốc gia năm 2023, “trong 1,4 tỉ người trên toàn thế giới, ước tính tại 1/2 các quốc gia được quan sát có ít nhất 50% người dân có những nhu cầu pháp lí chưa được đáp ứng”¹¹.

Tại Việt Nam, trong bối cảnh hội nhập với những đột phá về khoa học công nghệ trên thế giới và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay, việc hiểu biết pháp luật để sống và làm việc theo pháp luật càng trở nên cần thiết. Nhà nước ta đã xác định: “Công tác PBGDPL là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị...” (khoản 1 Điều 3 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012). Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030 cũng xác định cần: “Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp...”¹².

⁸ Nguyễn Văn Năm, Nguyễn Minh Đoan (đồng chủ biên) (2022), *Giáo trình Lí luận chung về nhà nước và pháp luật*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Tư pháp, tr. 257.

⁹ Hoàng Thị Kim Quế (2002), “Một số đặc điểm cơ bản của pháp luật trong nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 4, tr. 5.

¹⁰ Lê Văn Đại (2012), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động trong các doanh nghiệp tại địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 68.

¹¹ World Justice Project (2023), *Dissecting the Justice Gap in 104 Countries*, <https://worldjusticeproject.org/our-work/research-and-data/wjp-justice-data-graphical-report-i>, truy cập 07/8/2024.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội*

Sự đa dạng về các nhóm dân cư và trình độ văn hoá dẫn đến những khác biệt đáng kể trong khả năng tiếp cận và hiểu biết pháp luật, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với công tác PBGDPL. Tuy nhiên, thực tế cho thấy còn những bộ phận dân cư gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin pháp luật do hạn chế về điều kiện kinh tế, địa lí và cơ sở hạ tầng thông tin¹³. Đây là thách thức lớn đặt ra cho công tác PBGDPL. Trong rất nhiều báo cáo tổng kết công tác PBGDPL qua các giai đoạn, các năm, của các ngành, các cấp, vấn đề khó khăn muôn thuở của công tác PBGDPL là vấn đề về nguồn lực, bao gồm nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, kinh phí. Đây được xem là khó khăn, là nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả công tác PBGDPL nhưng chưa có giải pháp khả thi nào để tháo gỡ¹⁴.

Về cơ sở của xã hội hoá công tác PBGDPL, nhiều văn kiện pháp lí và chính sách quan trọng ở phạm vi quốc tế và quốc gia đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của xã hội hoá công tác PBGDPL. Trên bình diện quốc tế, nguyên tắc xã hội hoá trong

PBGDPL đã được nhấn mạnh từ đầu thế kỉ XXI. Tuyên ngôn về Giáo dục và Đào tạo Nhân quyền của Liên hợp quốc thông qua vào năm 2011 đề cao vai trò của các tổ chức xã hội dân sự, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng địa phương trong giáo dục nhân quyền và pháp luật; từ đó, thúc đẩy nhiều quốc gia thay đổi nhận thức về vai trò của xã hội trong PBGDPL¹⁵. Tiếp sau đó, các điều ước quốc tế ở phạm vi toàn cầu hay khu vực về bảo vệ quyền con người, phòng ngừa và chống các loại tội phạm quốc tế, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia hay chống khủng bố, đều kêu gọi các quốc gia thành viên tăng cường phổ biến các nội dung pháp luật này tới người dân, trong đó nhấn mạnh đây không chỉ là trách nhiệm của quốc gia mà còn là của các tổ chức quốc tế liên chính phủ và phi chính phủ. Điển hình có thể kể đến những yêu cầu về trách nhiệm trong phổ biến luật nhân đạo quốc tế của toàn thể cộng đồng quốc tế¹⁶.

Ở Việt Nam, nguyên tắc xã hội hoá công tác PBGDPL đã được ghi nhận trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 với quy định: “*Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật;*

đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, <https://tulieuvan.kien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-10-nam-2021-2030-3735>, truy cập 05/12/2024.

¹³ Thanh Vân (2023), *Khó khăn và giải pháp nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc*, <https://hoiluatgia.laichau.gov.vn/index.php/Tin-tu-Hoi-luat-gia-Lai-Chau/kho-khan-va-giai-phap-nang-cao-chat-luong-cong-tac-pho-bien-giao-duc-phap-luat-cho-dong-bao-dan-toc-448.html>, truy cập 24/12/2024.

¹⁴ Nguyễn Thị Đào (2016), *Xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: Cần giải pháp quyết liệt*, <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=70>, truy cập 07/8/2024.

¹⁵ Đại hội đồng Liên hợp quốc (2011), *UN Declaration on Human Rights Education and Training*, <https://digitallibrary.un.org/record/715039?v=pdf>, truy cập 15/12/2024.

¹⁶ International Committee of the Red Cross (2003), *The Obligation to Disseminate International Humanitarian Law*, https://www.icrc.org/sites/default/files/document/file_list/obligation-dissemination-ihl, truy cập 11/12/2024.

huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” (Điều 4). Nguyên tắc này cùng một số quy định có liên quan là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện xã hội hoá công tác PBGDPL.

Bên cạnh đó, Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến giáo dục pháp luật của Bộ Tư pháp cho thấy hoạt động PBGDPL đã từng bước nhận được sự quan tâm, hưởng ứng tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân, nhất là phát huy vai trò, sự tham gia của Hội Luật gia các cấp, Đoàn Luật sư, các hiệp hội nghề nghiệp về pháp luật. Một số bộ, ngành, địa phương đã huy động được kinh phí hỗ trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp và người dân, thể hiện trách nhiệm xã hội và sự chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong công tác PBGDPL. Theo thống kê, kinh phí từ nguồn xã hội hoá chiếm 11% kinh phí dành cho công tác PBGDPL trong cả nước (năm 2019); tỉ lệ tương ứng là chiếm 4,26% (năm 2020), 8,3% (năm 2021) và 3,5% (06 tháng đầu năm 2022)¹⁷. Một số mô hình thu hút nguồn lực xã hội được thực hiện hiệu quả như các chương trình truyền hình, gameshow về pháp luật được phát sóng trên Đài Truyền

hình Việt Nam, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý miễn phí, PBGDPL ngoài giờ lên lớp trong các trường học đã có những đóng góp tích cực vào hoạt động PBGDPL.

Cùng với đó, xu hướng toàn cầu hoá còn mang tới nguồn lực quốc tế cho công tác PBGDPL tại các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các tổ chức quốc tế hỗ trợ về tài chính, cung cấp nền tảng kỹ thuật và hỗ trợ xây dựng mạng lưới hợp tác¹⁸. Điển hình phải kể đến Chương trình Phát triển Liên hợp quốc UNDP từ năm 1978 đến nay đã hỗ trợ Việt Nam nhiều dự án thúc đẩy PBGDPL¹⁹ như Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam²⁰, Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam²¹ và nhiều dự án khác với tổng số vốn khoảng 430 triệu USD²².

Có thể thấy, tiềm năng của các chủ thể ngoài nhà nước ngày càng được củng cố, là động lực chia sẻ trách nhiệm cùng nhà nước

¹⁷ Theo Báo cáo tổng kết thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Tư pháp năm 2023: Tổng số kinh phí dành cho công tác PBGDPL trên cả nước năm 2019 là 552.731.315.785 đồng, trong đó kinh phí từ nguồn xã hội hoá là 60.960.415.267 đồng; năm 2020 là 636.901.440.361 đồng, trong đó kinh phí từ nguồn xã hội hoá là 22.644.162.067 đồng; năm 2021 là 551.893.844.413 đồng, trong đó kinh phí từ nguồn xã hội hoá là 31,762 tỉ đồng; 06 tháng đầu năm 2022 là 457.170.988.908 đồng trong đó kinh phí từ nguồn xã hội hoá là 16,294 tỉ đồng.

¹⁸ United States Department of State (2012), *The NGO Handbook (Handbook series)*, tr. 70.

¹⁹ UNDP (2024), *2023 Annual Report on Human Rights and Democracy in the World - Update on Vietnam*, https://www.eeas.europa.eu/human-rights-democracy-2023-report-vietnam_en_en?s=184, truy cập 10/9/2024.

²⁰ Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp (2015), *Dự án Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền*, <https://www.moj.gov.vn/tctocl/TaiTroQuocTe/Pages/du-an-tai-tro.aspx?ItemID=1>, truy cập 10/9/2024.

²¹ Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp (2024), *Tổng kết Dự án Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam (EU JULE)*, <https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo.aspx?ItemID=6343>, truy cập 10/9/2024.

²² Trang thông tin điện tử Bộ Lao động, Thương binh và xã hội (2011), *Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP)*, <https://molisa.gov.vn/baiviet/5780?tintucID=5780>, truy cập 10/9/2024.

trong công tác PBGDPL. Sau 10 năm thi hành Luật Phổ biến giáo dục pháp luật và các đề án xã hội hoá, đây chính là lúc vừa tổng kết thực tiễn vừa tìm hiểu, học hỏi thêm kinh nghiệm các quốc gia để phát huy hơn nữa hiệu quả của việc xã hội hoá công tác PBGDPL.

3. Một số mô hình tiêu biểu về xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Mô hình tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật tại cộng đồng của trường luật và sinh viên luật

Với vai trò là trung tâm đào tạo và nghiên cứu pháp luật, bên cạnh việc đào tạo nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao, các trường đào tạo luật còn tích cực đóng góp vào mục tiêu xã hội hoá công tác PBGDPL bằng nguồn lực sinh viên thể hiện qua phương thức “Giáo dục thực hành pháp luật” (Clinical Legal Education - CLE). CLE là phương thức giảng dạy được áp dụng trong đào tạo luật ở nhiều quốc gia trên thế giới. Sinh viên được tạo điều kiện làm việc và thực hành trong môi trường pháp lý thực sự hoặc mô phỏng²³. Đối với cơ sở đào tạo luật, việc áp dụng CLE hướng đến mục tiêu kép vừa nâng cao chất lượng đào tạo, vừa thực hiện trách nhiệm với cộng đồng²⁴.

Tại Úc, CLE được coi là công cụ giúp tăng cường hiểu biết và khả năng sử dụng pháp luật của mọi thành phần trong xã hội, thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật hoặc tư vấn pháp luật cho cộng đồng²⁵. Với phương thức CLE, các trường luật cùng sinh viên của mình tham gia vào công tác PBGDPL thông qua mô hình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại cộng đồng (Community Lawyering Orientation - CLO)²⁶.

Mô hình CLO của các trường luật ở Úc là mô hình thực hành pháp luật cho sinh viên mà trong đó các trường luật là chủ thể tổ chức và điều hành, thông qua các trung tâm tư vấn pháp luật, văn phòng thực hành pháp luật trực thuộc trường hoặc trong sự hợp tác với các cơ quan, tổ chức hành nghề luật. Tài chính cho các chương trình thực hành pháp luật này chủ yếu đến từ ngân sách nhà nước cung cấp cho các hoạt động pháp lý vì cộng đồng, từ kinh phí tự cân đối của các cơ sở đào tạo luật và nguồn tài trợ từ các nhà hảo tâm²⁷. Hoạt động PBGDPL được tiến hành thông qua các khoá học về pháp luật và các dự án về tiếp cận pháp lý cho một số cộng đồng dân cư, nhất là những nhóm dễ bị tổn

²³ Hồ Nhân Ái (2023), “Đào tạo pháp luật thực hành - Một phương thức giảng dạy luật tiên tiến và triển vọng tại Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 5, tr. 118.

²⁴ Nguyễn Hiền Phương (2024), “Giáo dục thực hành pháp luật và lịch sử phát triển của giáo dục thực hành pháp luật trong đào tạo luật trên thế giới và Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường: Mô hình giáo dục thực hành pháp luật (CLE) trong đào tạo luật trên thế giới và liên hệ Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 2.

²⁵ Đào Lệ Thu, Phạm Tiến Thành (2024), “Mô hình giáo dục thực hành pháp luật trong thực tiễn đào tạo luật ở Úc và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường: Mô hình giáo dục thực hành pháp luật (CLE) trong đào tạo luật trên thế giới và liên hệ Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội.

²⁶ Australian Clinical Legal Education Designing and Operating A Best Practice Clinical Program in An Australian Law School, Australian University Press.

²⁷ Đào Lệ Thu, Phạm Tiến Thành (2024), *ltdđ*, tr. 71.

thương và yếu thế. Các trung tâm sẽ phối hợp cùng với các khoa chuyên môn trong việc cho đăng ký và tổ chức khoá học, có một người được giao làm điều phối viên cho mỗi khoá học. Các khoá học điển hình có thể kể đến là khoá thực hành PBGDPL tại cộng đồng (Community Law Clinic) của Đại học Quốc gia Úc, khoá thực hành trang bị hiểu biết pháp luật cho tù nhân (Prison Legal Literacy Clinic), khoá thực hành giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông (Street Law) và khoá thực hành về quyền của người khuyết tật (Disability Human Rights Clinic) của Trường Luật, Đại học Melbourne; khoá thực hành tư vấn và hỗ trợ pháp luật về chăm sóc sức khỏe y tế (Health Advocacy Legal Clinic) của Trường Luật, Đại học Queensland²⁸. Ví dụ, ở Đại học Quốc gia Úc, khi tham gia khoá học về PBGDPL trong cộng đồng, sinh viên luật thực hiện các hoạt động PBGDPL tại trung tâm có tên là Pháp luật Cộng đồng Canberra (Canberra Community Law) - trung tâm pháp lý cộng đồng dành cho người thu nhập thấp và người yếu thế của bang Australian Capital Territory (ACT). Tại đây sinh viên có được những kinh nghiệm từ thực hành trong môi trường pháp lý cộng

đồng, thông qua việc cung cấp thông tin pháp luật dưới sự hướng dẫn và giám sát của một luật sư tư vấn. Ngoài ra, với khoá học thực hành trang bị hiểu biết pháp luật cho tù nhân, sinh viên thực hiện các buổi cung cấp kiến thức pháp luật và trao đổi với các nhóm tù nhân về những chủ đề pháp lý thông qua trải nghiệm của chính những tù nhân tại Trung tâm Alexander Maconochie - nhà tù dành cho người thành niên²⁹.

Báo cáo nghiên cứu tổng kết cho thấy Úc đã triển khai hiệu quả mô hình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của các trường luật và sinh viên luật, trở thành mô hình tiêu biểu trong huy động sự tham gia của các chủ thể xã hội vào công tác PBGDPL³⁰. Kinh nghiệm tổ chức và triển khai mô hình PBGDPL tại cộng đồng bởi các trường luật và sinh viên luật tại Úc cho thấy những yếu tố bảo đảm hiệu quả như: việc xây dựng những tiêu chuẩn và yêu cầu đối với các chương trình, dự án hay các khoá học về CLE (bao gồm cả yêu cầu về giám sát chất lượng hoạt động từ giảng viên hoặc người hướng dẫn và yêu cầu về phản ánh kết quả từ sinh viên sau khi kết thúc hoạt động); việc xây dựng một khung lý thuyết chung về CLE, trong đó có mô hình CLO; việc tranh thủ nguồn hỗ trợ và hợp tác với các tổ chức khác, trong đó có các công ti và văn phòng luật; việc rà soát, tổng kết những mô hình/ thực tiễn tốt và đa dạng về CLE và giới thiệu để nhân rộng trong các trường luật ở

²⁸ Adrian Evans, Anna Cody, Anna Copeland, Jeff Giddings, Peter Joy, Mary Anne Noone, and Simon Rice (2017), *Australian Clinical Legal Education Designing and Operating A Best Practice Clinical Program in An Australian Law School*, Australian University Press; Australia's Global University (2024), *Kingsford Legal Centre Clinical Legal Education Guide*, <https://www.unsw.edu.au/content/dam/pdfs/law/klc/resources/2024-06-reports-and-guides/2024-06-klc-clinical-legal-education-guide>, truy cập 29/11/2024.

²⁹ Australia's Global University (2024), tldđ.

³⁰ Adrian Evans, Anna Cody, Anna Copeland, Jeff Giddings, Peter Joy, Mary Anne Noone, and Simon Rice (2017), tldđ.

Úc; thể mạnh về sự nhiệt huyết, cách tiếp cận gần gũi và phương pháp truyền tải linh hoạt của đội ngũ sinh viên luật trẻ tuổi.

Mô hình tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật của các cá nhân, tổ chức hành nghề luật sư

Mô hình “Trung tâm pháp luật cộng đồng” là minh chứng điển hình cho sự tham gia vào công tác PBGDPL của giới luật sư. Trong mô hình này, thể mạnh đặc trưng về trình độ chuyên môn pháp lý và kinh nghiệm thực tiễn hành nghề luật khiến các luật sư trở thành lực lượng thực hiện công tác PBGDPL một cách chuyên sâu và hiệu quả. Họ không chỉ trang bị cho người dân kiến thức pháp luật chính xác, mà còn hướng dẫn các nhóm dân cư áp dụng pháp luật một cách dễ hiểu. Trong công tác PBGDPL, luật sư không xuất hiện dưới tư cách là người hành nghề tư vấn hay đại diện cho một cá nhân tham gia một vụ việc cụ thể mà đảm nhận trách nhiệm lan tỏa kiến thức pháp luật đến cộng đồng. Tại Úc, các trung tâm này thường được thành lập ở địa phương, trong đó một số được tổ chức theo hình thức chuyên môn hoá, tập trung vào từng lĩnh vực pháp luật cụ thể³¹. Điểm nổi bật trong mô hình Trung tâm pháp luật cộng đồng ở Úc là sự thống nhất và kết nối chặt chẽ giữa các trung tâm với nhau và giữa trung tâm với cơ quan nhà nước. Việc phối hợp, chia sẻ nguồn lực và thông tin theo mạng lưới không chỉ đảm bảo tính nhất quán khi triển khai các chương trình PBGDPL mà

còn giúp mọi người dân, dù ở địa phương hay liên vùng đều được tiếp cận thông tin pháp luật. Các trung tâm pháp luật cộng đồng này tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quốc gia với 17 tiêu chí dịch vụ được cải tiến liên tục nhằm đảm bảo chất lượng³².

Mô hình Trung tâm pháp luật cộng đồng Melbourne (IMCL) tại thành phố Melbourne là hình mẫu đáng học hỏi về tính hiệu quả của bộ máy điều hành cũng như cách thức phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận. Đây là tổ chức phi lợi nhuận tập trung vào PBGDPL cho người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế. Bên cạnh sự chủ động về tài chính, các trung tâm pháp luật cộng đồng tại nước này cũng nhận được một phần ngân sách đến từ chính phủ Úc, thông qua các thỏa thuận đối tác hỗ trợ pháp lý quốc gia (National Legal Assistance Partnership Agreement - NLAP) theo từng giai đoạn 5 năm giữa chính phủ và các tiểu bang, vùng lãnh thổ³³. Các trung tâm này hoạt động với sự hỗ trợ từ ngân sách liên bang và tiểu bang, cùng sự tham gia của đội ngũ luật sư, các tổ chức xã hội và sinh viên luật tình nguyện³⁴. Hội đồng quản trị của Trung tâm bao gồm những cá nhân uy tín, đóng vai trò định hướng chiến lược và giám sát hoạt động³⁵. Trung tâm sở hữu một đội

³¹ Community legal centre, What makes a community legal centre?, <https://clcs.org.au/what-makes-a-community-legal-centre-2/>, truy cập 10/1/2025.

³² Community legal centre, tldd, truy cập 10/01/2025.

³³ Australian Attorney-General's Department, *National Legal Assistance Partnership*, <https://www.ag.gov.au/search?query=National+Legal+Assistance+Partnership+>, truy cập 08/02/2025.

³⁴ Inner Melbourne Community Legal (2023), *Annual Report 2022-2023*, https://imcl.org.au/assets/downloads/IMCL_AR24_FA_WEB.pdf, p. 26, truy cập 15/01/2025.

³⁵ Inner Melbourne Community Legal, *Our Board*,

ngũ nhân viên là các luật sư chuyên gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau giúp phổ biến pháp lý cho người dân một cách toàn diện và chất lượng³⁶. Hoạt động của IMCL được tổ chức theo quy trình rõ ràng, bắt đầu từ việc nghiên cứu nhu cầu pháp luật của người dân, đến thiết kế các chương trình phù hợp và tiến hành triển khai dựa trên kết quả khảo sát thực tiễn³⁷. Báo cáo thường niên 2022 - 2023 ghi nhận thành công của IMCL trong việc PBGDPL cho nhiều nhóm đối tượng, từ người vô gia cư, cư dân nhà ở công cộng, đến thanh thiếu niên. Đặc biệt, đội ngũ luật sư của trung tâm còn tổ chức đào tạo pháp lý chuyên sâu cho nhân viên xã hội về các vấn đề như quyền hạn của cảnh sát, luật gia đình, và quy trình nhập tịch³⁸.

Việc nghiên cứu mô hình Trung tâm pháp luật cộng đồng tại Úc cho thấy nhiều kinh nghiệm đáng học hỏi về việc phát huy vai trò xã hội của các luật sư trong công tác PBGDPL tại Việt Nam. Đó là việc áp dụng cách thức quản lý trung tâm, việc tổ chức các hoạt động PBGDPL đến cộng đồng, việc đánh giá, kiểm tra hoạt động của trung tâm.

Mô hình tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật của chuyên gia công nghệ.

Trong thời đại công nghệ số, các chuyên gia công nghệ ngày càng thể hiện rõ sự ảnh

hưởng và tham gia sâu rộng vào tất cả các lĩnh vực, trong đó có pháp luật³⁹. Sự tham gia của các chuyên gia công nghệ vào công tác PBGDPL có nét đặc thù thể hiện ở việc các chủ thể này không trực tiếp thực hiện PBGDPL mà thông qua các sản phẩm họ phát minh. Đó là các ứng dụng, phần mềm, robot tích hợp chức năng pháp lý để hỗ trợ con người trong việc tìm hiểu kiến thức pháp luật. Hoạt động của các chuyên gia công nghệ trong công tác PBGDPL có sự gắn kết chặt chẽ với đội ngũ chuyên gia pháp lý là các luật sư, luật gia hay sự dẫn dắt, đồng hành của các cơ quan nhà nước.

Minh chứng thành công cho mô hình tham gia PBGDPL của chuyên gia công nghệ có thể kể đến Trung Quốc - một siêu cường công nghệ trên thế giới⁴⁰. Trên cơ sở nền tảng từ chiến dịch xã hội hoá PBGDPL toàn diện với quy mô lớn được khởi xướng từ những năm 1980 bởi Đảng Cộng sản Trung Quốc, quốc gia này vẫn luôn duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng xã hội trong triển khai các chương trình, kế hoạch PBGDPL⁴¹. Bước sang kỉ nguyên số,

<https://imcl.org.au/about-us/our-board>, truy cập 15/01/2025.

³⁶ Inner Melbourne Community Legal, Our Staff, <https://imcl.org.au/about-us/our-board>, truy cập 15/01/2025.

³⁷ Inner Melbourne Community Legal (2018), Community Legal Education, <https://imcl.org.au/our-services/community-legal-education/>, truy cập 15/01/2025.

³⁸ Inner Melbourne Community Legal (2023), tldd, p.24.

³⁹ Christian Veith, Michael Bandlow, Michael Harnisch, Hariolf Wenzler, Markus Hartung, and Dirk Hartung (2016), *How Legal Technology Will Change the Business of Law*, The Boston Consulting Group et Bucerius Law School, tr. 13.

⁴⁰ Ngô Huyền (2024), *Trung Quốc đã xây dựng sức mạnh công nghệ quốc gia như thế nào?*, <https://vn.economy.vn/trung-quoc-da-xay-dung-suc-manh-cong-nghe-quoc-gia-nhu-the-nao.htm>, truy cập 25/12/2024.

⁴¹ Young Nam Cho (2004), “Law Dissemination Campaign in China: The Origin of Chinese ‘Rule of Law’ Policy”, *Journal of International and Area Studies*, tr. 27 - 44.

những thành tựu từ cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 được coi là một trong những nguồn lực mũi nhọn mà Trung Quốc hướng đến huy động để nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL⁴². Có thể thấy, Trung Quốc đã vạch rõ hướng triển khai cụ thể cho các chuyên gia công nghệ tham gia vào công tác PBGDPL. Nhiều nhà cung cấp công nghệ tham gia vào công tác PBGDPL thông qua phát triển các sản phẩm và giải pháp công nghệ như robot pháp lý, nền tảng chatbot hỗ trợ pháp lý và các sản phẩm công nghệ khác. Trên cơ sở đó, các chuyên gia hướng tới đơn giản hoá việc tiếp cận pháp luật, giải thích các quy định và thuật ngữ pháp lý phức tạp theo cách dễ hiểu hơn. Quá trình này đòi hỏi phải thực hiện qua nhiều giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm để tối ưu hoá liên tục hệ thống sao cho xử lý hiệu quả các câu hỏi hay tình huống phức tạp. Trong suốt quá trình hoàn thiện sản phẩm, các chuyên gia công nghệ hợp tác chặt chẽ với nhóm chủ thể có chuyên môn pháp lý nhằm cập nhật nội dung, đảm bảo dữ liệu luôn phù hợp với thay đổi của pháp luật⁴³.

Toà án nhân dân tối cao Trung Quốc chỉ đạo cho các toà án ở mọi cấp xây dựng đồng bộ hệ thống ứng dụng công nghệ tiên tiến để

giúp các thẩm phán và người dân tìm kiếm thông tin⁴⁴. Các toà án đã kết hợp chặt chẽ với các chuyên gia công nghệ để triển khai hệ thống hỗ trợ trực tuyến và ứng dụng tự động. Trên chủ trương đề ra, công ti công nghệ AEGIS Data thiết kế ra robot XiaoFa với nhiệm vụ cung cấp thông tin pháp lý miễn phí cho người dân tại toà án. Để tạo ra XiaoFa, chuyên gia công nghệ chịu trách nhiệm xây dựng kiến trúc hệ thống, từ việc lựa chọn thuật toán học máy phù hợp đến phát triển các công cụ xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) nhằm hiểu và trả lời đúng ý của người dùng. Hiện nay, hơn 100 robot XiaoFa đã có mặt tại các toà án trên khắp Trung Quốc⁴⁵. Theo Toà án Bắc Kinh, dựa trên việc khai thác và phân tích một kho dữ liệu khổng lồ, bao gồm 40.000 thủ tục pháp lý, 30.000 câu hỏi pháp lý thường gặp, hơn 7.000 văn bản pháp luật và 5 triệu bản án, mô hình này cung cấp giải pháp hiệu quả, chính xác và kịp thời trong việc trả lời hơn 40.000 câu hỏi về tố tụng và 30.000 vấn đề pháp lý⁴⁶.

Sự tham gia của các chuyên gia công nghệ thông qua việc hợp tác chặt chẽ với các cơ quan tư pháp nhằm ứng dụng các sản phẩm công nghệ vào công tác PBGDPL đã

⁴² World Economic Forum (2019), *5 factors driving the Chinese lawtech boom*, <https://www.weforum.org/stories/2019/04/5-factors-driving-the-chinese-lawtech-boom/>, World Economic Forum, truy cập 25/12/2024.

⁴³ Nguyễn Thị Quế Anh, Vũ Công Giao, Mai Văn Thắng (2019), *Trí tuệ nhân tạo với pháp luật và quyền con người*, Nxb. Tư pháp, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 58.

⁴⁴ Xin Wen (2017), *Robot gives guidance in Beijing court*, https://www.chinadaily.com.cn/china/2017-10/13/content_33188642.htm, truy cập 27/12/2024.

⁴⁵ Briony Harris (2017), *Could an AI ever replace a judge in court?*, <https://www.worldgovernmentsummit.org/observer/articles/2017/detail/could-an-ai-ever-replace-a-judge-in-court>, truy cập 23/12/2024.

⁴⁶ Xin Wen (2017), ttd; Cao Yin (2017), *Courts Embrace AI to Improve Efficiency*, https://www.chinadaily.com.cn/china/2017-11/16/content_34595221.htm, truy cập 27/01/2024.

thể hiện tính hiệu quả và thực tiễn trong chính sách của Chính phủ Trung Quốc. Điều này cho thấy những ưu điểm, kinh nghiệm tốt nhất định ở mô hình này mà Việt Nam có thể học hỏi như: Chú trọng phát triển công nghệ trong PBGDPL; định hướng triển khai và đồng bộ các mô hình tham gia của chuyên gia công nghệ vào PBGDPL; phối hợp chặt chẽ giữa các chuyên gia công nghệ và các cơ quan nhà nước hay các chủ thể có chuyên môn pháp lý.

4. Một số đề xuất tăng cường hiệu quả xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở Việt Nam

Trên cơ sở tìm hiểu kinh nghiệm từ các mô hình tiêu biểu ở một số quốc gia trên thế giới, bài viết đề xuất một số giải pháp xã hội hoá công tác PBGDPL với các trọng tâm chính: 1) chú trọng khai thác nguồn lực sinh viên từ các cơ sở đào tạo luật; 2) phát huy trách nhiệm xã hội của đội ngũ luật sư; 3) tăng cường sự tham gia của chuyên gia công nghệ.

Thứ nhất, xây dựng mô hình PBGDPL tại cộng đồng và ở các trường phổ thông với sự tham gia chủ lực của các trường luật và sinh viên luật thông qua hoạt động thực hành pháp luật, dựa trên việc học tập kinh nghiệm của mô hình này tại Úc.

Hiện nay, Việt Nam có một lượng nhân lực dồi dào sinh viên ngành luật trong bối cảnh trên khắp cả nước có hơn 100 cơ sở đào tạo luật với mạng lưới quan hệ hợp tác rộng khắp⁴⁷. Tuy nhiên, hoạt động PBGDPL mới

dừng lại ở mức khuyến khích tham gia, thể hiện qua một số hoạt động ngoại khoá, chương trình tình nguyện của một vài câu lạc bộ, đội nhóm. Một số trường luật tuy có thiết lập một trung tâm tư vấn pháp luật hay văn phòng thực hành pháp luật nhưng mới chỉ tập trung vào việc cho sinh viên thực hành tư vấn và chuẩn bị tài liệu theo vụ việc pháp lý với khách hàng đơn lẻ. Điều này chưa phát huy được cả tri thức và ý thức, trách nhiệm của đội ngũ sinh viên luật trước nhu cầu hiểu biết pháp luật của cộng đồng cũng như yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta.

Với mô hình được đề xuất, một mặt cần đưa PBGDPL trở thành một trong những mục tiêu trọng tâm của quá trình đào tạo luật. Chức năng giáo dục-đào tạo của các trường, khoa luật không chỉ là đào tạo đội ngũ chuyên môn, giải quyết các vụ việc cụ thể, mà cần hướng đến giáo dục cho sinh viên trách nhiệm với cộng đồng. Mục tiêu đó sẽ xác định phương pháp giảng dạy của thầy cô, tinh thần học tập và trách nhiệm, đạo đức với nghề từ sớm cho các em sinh viên. Mặt khác, các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam cần nghiên cứu đưa hoạt động PBGDPL trở thành một nội dung học tập bắt buộc trong chương trình đào tạo, như một hình thức giáo dục thực hành pháp luật. Hoạt động học tập này nên được triển khai theo một trong hai phương thức (lựa chọn): một là dưới hình thức học tập qua “Dự án PBGDPL” và hai là như một học phần về kỹ năng (02 tín chỉ) với

⁴⁷ Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam (2021), *Báo cáo tổng kết hoạt động Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam (2019 - 2021)*,

[http://vlsn.edu.vn/pages/news/23042/Bao-cao-Tong-ke-hoat-dong-Mang-luoi-cac-co-so-dao-tao-Luat-o-Viet-Nam-\(2019---2021\).html](http://vlsn.edu.vn/pages/news/23042/Bao-cao-Tong-ke-hoat-dong-Mang-luoi-cac-co-so-dao-tao-Luat-o-Viet-Nam-(2019---2021).html), truy cập 13/12/2024.

tên gọi “Kĩ năng PBGDPL”. Đối tượng bắt đầu tham gia hoạt động này sẽ chủ yếu là sinh viên năm thứ ba - những sinh viên đã được trang bị vốn kiến thức pháp luật căn bản và những phương pháp, kĩ năng cần thiết nhất định để phục vụ hoạt động PBGDPL. Trong quá trình thực hiện dự án, sinh viên tiến hành làm việc nhóm từ giai đoạn nghiên cứu, lập kế hoạch cho đến triển khai thực hiện dự án PBGDPL tại cộng đồng dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của giảng viên. Kết thúc hoạt động, giảng viên đánh giá hiệu quả dự án dựa trên phản hồi thu thập từ cộng đồng và báo cáo thu hoạch của nhóm sinh viên. Đối với học phần kĩ năng PBGDPL, sinh viên chủ yếu học theo hình thức thực hành để nhuần nhuyễn về kĩ năng tuyên truyền, giới thiệu, trang bị kiến thức pháp luật và cách thức sử dụng pháp luật cho cộng đồng. Các cơ sở đào tạo luật có thể xây dựng một mạng lưới liên kết, hợp tác với các luật sư, chuyên gia pháp lí và cán bộ công tác pháp luật tại Cục Phổ biến, Giáo dục pháp luật của Bộ Tư pháp và các phòng phổ biến, giáo dục pháp luật ở các sở tư pháp địa phương để hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên thực hành chuyên môn, tăng cường phạm vi tác động, nâng cao hiệu quả thực hiện dự án và học phần kĩ năng. Như vậy, mô hình này sẽ có tác động tương hỗ ba chiều: một là tận dụng sự tham gia của các cơ sở đào tạo luật với lực lượng hùng hậu và có chất lượng vào công tác PBGDPL; hai là bớt đi gánh nặng công việc cho các cơ quan hữu quan của Bộ Tư pháp trước yêu cầu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền và nhu cầu hiểu biết

pháp luật rộng khắp của người dân; ba là tăng cường hoạt động giáo dục thực hành pháp luật vốn đang là khâu yếu và còn mang tính hình thức ở hầu khắp các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam.

Thứ hai, cải thiện mô hình trung tâm pháp luật cộng đồng của luật sư Việt Nam dựa trên học tập kinh nghiệm của mô hình này tại Úc về cách thức quản lí, tổ chức, triển khai cũng như công tác kiểm định chất lượng đồng bộ.

Đối chiếu với mô hình trung tâm pháp luật cộng đồng của Úc, hiện nay tại Việt Nam, sự tham gia của luật sư vào công tác PBGDPL đang được thể hiện dưới hai mô hình tiêu biểu đó là trung tâm pháp luật cộng đồng và trung tâm tư vấn pháp luật. Hai mô hình này có sự tương đồng nhất định trong việc hướng đến mục tiêu chung là nâng cao nhận thức pháp luật và hỗ trợ pháp lí cho cộng đồng. Trong khi trung tâm pháp luật cộng đồng đảm nhiệm cả hai vai trò là tư vấn pháp luật và PBGDPL⁴⁸, thì trung tâm tư vấn pháp luật chủ yếu tập trung vào hoạt động tư vấn pháp lí riêng lẻ và chỉ thực hiện PBGDPL một cách gián tiếp thông qua hoạt động tư vấn⁴⁹. Tuy các trung tâm này ít

⁴⁸ Phong Vân (2019), *Điểm sáng mô hình trung tâm pháp luật cộng đồng*, https://www.baobacninh.com.vn/1?p_p_id=101&p_p_lifecycle=0&p_p_state=maximized&p_p_mode=view&_101_struts_action=%2Fasset_publisher%2Fview_content&_101_returnToFullPageURL=%2F&_101_assetEntryId=754873&_101_type=content&_101_urlTitle=-iem-sang-mo-hinh-trung-tam-phap-luat-cong-ong&inheritRedirect=false, truy cập 15/12/2024.

⁴⁹ Điều 3 Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định về hoạt động tư vấn pháp luật.

nhiều đều tham gia vào công tác PBGDPL nhưng chưa thường xuyên, thực chất và hiệu quả. Một số đề xuất sau được đưa ra trên cơ sở vừa nghiên cứu kinh nghiệm về trung tâm pháp luật cộng đồng của Úc, vừa xuất phát từ thực trạng của hoạt động tham gia PBGDPL của các luật sư.

Một là, cần xây dựng một mô hình thống nhất là Trung tâm Pháp luật cộng đồng với hai chức năng chính, rõ ràng và độc lập: Tư vấn pháp luật và PBGDPL. Trên cơ sở mô hình tích hợp, trung tâm sẽ tập trung được nguồn lực thay vì bị phân tán như trước đây, đảm bảo sự thống nhất trong việc huy động đội ngũ luật gia, luật sư và các chuyên gia tư vấn pháp luật, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và phạm vi tác động đến cộng đồng. Với vai trò của luật sư, các trung tâm có thể triển khai các hoạt động PBGDPL một cách đa dạng, từ tư vấn pháp lý chuyên sâu riêng lẻ, đến tổ chức các chương trình PBGDPL trực tiếp tại cộng đồng. Việc tái cấu trúc, tích hợp hai mô hình hiện có thành một mô hình thống nhất là giải pháp cần thiết để đảm bảo tính hiệu quả, khoa học và đáp ứng các yêu cầu thực tiễn.

Hai là, cần thiết lập một cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các trung tâm pháp luật cộng đồng với nhau và giữa các trung tâm pháp luật cộng đồng với các cơ quan nhà nước. Trước hết, các trung tâm này cần xây dựng một mạng lưới liên kết để chia sẻ kinh nghiệm, tài liệu và phương pháp tổ chức hoạt động PBGDPL. Việc này không chỉ giúp tối ưu hoá nguồn lực mà còn đảm bảo tính nhất quán về nội dung pháp luật được

phổ biến. Đồng thời, các trung tâm pháp luật cộng đồng đẩy mạnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước như sở tư pháp, uỷ ban nhân dân các cấp để nhận được sự hướng dẫn, hỗ trợ về chính sách, nguồn lực và thông tin pháp luật mới.

Ba là, các cơ quan nhà nước (sở tư pháp, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Tư pháp) cần có cơ chế kiểm tra, đánh giá và phản hồi về kết quả báo cáo hoạt động của các trung tâm pháp luật cộng đồng. Học hỏi kinh nghiệm từ Úc, việc xây dựng một bộ quy tắc tiêu chuẩn chất lượng rõ ràng và chặt chẽ là vô cùng cần thiết. Đặc biệt, trong công tác PBGDPL, bộ quy tắc này phải xác định các tiêu chí cụ thể về chất lượng nội dung tuyên truyền, phương pháp giáo dục phù hợp với đặc thù của từng nhóm đối tượng, cũng như khả năng đo lường hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cộng đồng. Các cơ quan nhà nước cần ghi nhận và chia sẻ các thành tựu đạt được của các trung tâm pháp luật cộng đồng có thành tích tốt tới các trung tâm khác nhằm học hỏi và triển khai một cách đồng bộ về chất lượng. Tuy nhiên, cơ quan nhà nước ở địa phương cũng phải đảm bảo sát sao với những hạn chế trong hoạt động PBGDPL của các trung tâm tư vấn pháp luật ở địa phương trên các tiêu chí đánh giá đã đặt ra.

Thứ ba, huy động sự tham gia của chuyên gia công nghệ, hướng tới xây dựng các mô hình PBGDPL mang tầm quốc gia từ học hỏi kinh nghiệm của Trung Quốc.

Nhìn lại thực tế, Việt Nam đã có những

bước tiến nhất định trong việc huy động thành công các chuyên gia công nghệ cùng thực hiện PBGDPL. Về mặt chính sách, Bộ Tư pháp kịp thời xây dựng đề án thực hiện gắn với từng giai đoạn và tình hình phát triển đất nước. Trên cơ sở tổng kết triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019 – 2021”, Bộ Tư pháp đang trong quá trình xây dựng Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025 - 2030”⁵⁰.

Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các công ti, chuyên gia công nghệ đang ngày một bài bản, chặt chẽ và hiệu quả hơn. Các chuyên gia công nghệ được tạo điều kiện để tham gia ngay từ khâu dự thảo chính sách⁵¹. Bên cạnh đó, với ảnh hưởng từ làn sóng trí tuệ nhân tạo, một số sản phẩm là sự kết hợp giữa lĩnh vực pháp lý với các chuyên gia công nghệ như FPTAi⁵², LuatvietnamAi⁵³ đã và đang bước đầu tạo nên những dấu ấn trong công tác PBGDPL.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ứng dụng công nghệ thông tin trong PBGDPL ở nước ta còn diễn ra chậm⁵⁴. Môi trường chính sách chưa thực sự tạo ra các cơ chế khuyến khích cụ thể để thu hút và phát huy sự tham gia của các chuyên gia công nghệ vào các sáng kiến pháp lý, đặc biệt là trong việc xây dựng các công cụ hỗ trợ tiếp cận thông tin pháp luật cho người dân⁵⁵. Hệ thống pháp lý hiện tại vẫn chưa khai thác tối đa tiềm năng của các chuyên gia công nghệ để hỗ trợ công tác PBGDPL.

Việc hiện thực hoá các mục tiêu chuyển đổi số công tác PBGDPL, trong đó tận dụng tối đa tiềm năng từ các chuyên gia công nghệ, cần hai yếu tố quyết định là sự quyết tâm của lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, các cấp chính quyền và sự nỗ lực thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chuyên gia để xây dựng hạ tầng công nghệ⁵⁶. Dưới đây là một số đề xuất được đưa ra trên cơ sở nghiên cứu mô hình tham gia của chuyên gia công nghệ trong công tác PBGDPL của Trung Quốc và đặt trong bối cảnh của Việt Nam:

Một là, xây dựng chiến lược và chính sách tổng thể về chuyển đổi số trong PBGDPL. Hiện tại, đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025-2023” của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật đang ở trong giai đoạn lấy ý kiến và hoàn thiện. Các nội

⁵⁰ Vũ Cẩm (2024), *Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: Cần đảm bảo tính khả thi, đi vào cuộc sống*, <https://baophapluat.vn/chuyen-doi-so-trong-cong-tac-pho-bien-giao-duc-phap-luat-can-dam-bao-tinh-kha-thi-di-vao-cuoc-song-post525029.html>, truy cập 15/12/2024.

⁵¹ Vũ Cẩm (2024), tldd, truy cập 15/12/2024.

⁵² Duy Tuấn (2024), *FPT.AI được vinh danh giải pháp trí tuệ nhân tạo xuất sắc*, <https://vnexpress.net/fpt-ai-duoc-ving-danh-giai-phap-tri-tue-nhan-tao-xuat-sac-4799436.html>, truy cập 15/12/2024.

⁵³ P.V (2024), *LuatVietnam chính thức ra mắt Trợ lý ảo AI: Bước tiến công nghệ pháp lý*, <https://tienphong.vn/luatvietnam-chinh-thuc-ra-mat-tro-ly-ao-ai-buoc-tien-cong-nghe-phap-ly-post1636547.tpo>, truy cập 15/12/2024.

⁵⁴ Bộ Tư pháp (2023), tldd.

⁵⁵ Bộ Tư pháp (2022), Báo cáo tổng kết thực hiện đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019 - 2021”, Báo cáo số 11/BC-BTP ngày 17/01/2022.

⁵⁶ Vũ Cẩm (2024), tldd.

dung của đề án này cần phải xác định rõ hơn vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan, từ cơ quan nhà nước đến doanh nghiệp công nghệ và tổ chức xã hội, đặc biệt là các chuyên gia công nghệ trong việc thực hiện các mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu pháp lý tập trung, phát triển sản phẩm công nghệ hỗ trợ pháp lý và triển khai hệ thống công nghệ tại các cơ quan pháp luật. Ngoài ra, để khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp công nghệ, Chính phủ cần tăng cường áp dụng các chính sách hỗ trợ tài chính như miễn giảm thuế, ưu đãi tín dụng hoặc hỗ trợ vốn đầu tư cho các dự án công nghệ phục vụ công tác PBGDPL. Những chính sách này tạo sự vững tin giúp các chuyên gia có động lực cống hiến, tạo đà thu hút thêm nguồn lực từ khu vực tư nhân, hướng tới thúc đẩy sự phát triển của công nghệ pháp lý tại Việt Nam.

Hai là, xây dựng chương trình và truyền thông chính sách về các dự án hợp tác giữa chuyên gia công nghệ và chuyên gia pháp lý. Trong từng dự án thực hiện nhiệm vụ chiến lược ở mỗi giai đoạn, Bộ Tư pháp nên thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành, bao gồm kỹ sư công nghệ, luật sư và các nhà nghiên cứu pháp luật. Nhóm nghiên cứu nòng cốt này sẽ chịu trách nhiệm phát triển và thử nghiệm các sản phẩm công nghệ, đảm bảo chúng phù hợp với nhu cầu thực tiễn và tuân thủ các quy định pháp luật. Một điểm đáng chú ý là cần tổ chức các khoá đào tạo ngắn hạn nhằm cung cấp kiến thức pháp luật cơ bản cho các kỹ sư công nghệ, giúp họ hiểu rõ các khía cạnh pháp lý cần thiết trong

quá trình thiết kế và phát triển sản phẩm. Điều này sẽ giúp các giải pháp công nghệ được hiệu quả và đúng mục tiêu. Ngoài ra, việc truyền thông về các dự án hợp tác này cần được các chủ thể có thẩm quyền chú trọng hơn. Hoạt động này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng hình ảnh một môi trường sôi động; qua đó, tác động tích cực đến nhận thức và kích thích sự sáng tạo, tiềm năng từ khu vực công nghệ tham gia, đóng góp nhiều hơn cho công tác PBGDPL.

Cũng cần nhận ra một số thách thức khi đưa những mô hình xã hội hoá PBGDPL được đề xuất ở trên vào việc tổ chức công tác PBGDPL ở Việt Nam. *Thứ nhất*, các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam còn chưa thực sự chú trọng hoạt động cho sinh viên thực hành pháp luật tại cộng đồng, vì vậy còn rất hạn chế trong việc tổ chức hình thức dạy học cũng như kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động thực hành này của sinh viên. *Thứ hai*, công tác PBGDPL là hoạt động không mang tính lợi nhuận, vì vậy việc thu hút sự hỗ trợ, tài trợ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác này gặp nhiều khó khăn. *Thứ ba*, chưa có sự kết nối sâu rộng giữa đội ngũ làm công tác PBGDPL với lực lượng có trình độ công nghệ. Những thách thức này cần được các cơ sở đào tạo luật, các tổ chức luật sư, các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm trong công tác PBGDPL xem xét và giải quyết để tạo điều kiện thuận lợi cho những mô hình xã hội hoá ở trên được vận dụng hiệu quả trong bối cảnh của Việt Nam.

Tóm lại, mô hình tiêu biểu từ một số quốc gia trên thế giới cho thấy sự phát huy tiềm lực của các cơ sở đào tạo luật với đội ngũ sinh viên đông đảo và giàu năng lượng, sự góp sức của giới luật gia và của các chuyên gia công nghệ trong công tác PBGDPL. Nhìn vào thực tiễn xã hội hoá công tác PBGDPL ở Việt Nam có thể thấy một số mô hình đã theo kịp xu thế của thế giới, tuy nhiên chưa phát huy được hiệu quả thực sự do còn nặng về hình thức hoặc theo kì, cuộc⁵⁷. Các mô hình xã hội hoá PBGDPL được đề xuất ở trên thể hiện sự kết nối giữa sức mạnh của nhà nước và nguồn lực của cộng đồng, của toàn dân. Sự sẵn có của nguồn nhân lực hiểu biết pháp luật cũng như xu thế sử dụng mạng xã hội nhiều ở Việt Nam là cơ sở cho thấy tính khả thi của những mô hình được đề xuất./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adrian Evans, Anna Cody, Anna Copeland, Jeff Giddings, Peter Joy, Mary Anne Noone, and Simon Rice (2017), *Australian Clinical Legal Education Designing and Operating A Best Practice Clinical Program in An Australian Law School*, Australian University Press.
2. Australia's Global University (2024), *Kingsford Legal Centre Clinical Legal Education Guide*, [https://www.unsw.edu.au/content/dam/pdfs/law/klc/resources/2024-06-reports-and-guides/2024-06-klc-](https://www.unsw.edu.au/content/dam/pdfs/law/klc/resources/2024-06-reports-and-guides/2024-06-klc-clinical-legal-education-guide)
3. Australian Attorney-General's Department, National Legal Assistance Partnership, [https://www.ag.gov.au/search?query=National+Legal+Assistance+Partnership+](https://www.ag.gov.au/search?query=National+Legal+Assistance+Partnership)
4. Briony Harris (2017), *Could an AI ever replace a judge in court?*, World government summit.
5. Cao Yin (2017), *Courts Embrace AI to Improve Efficiency*, https://www.chinadaily.com.cn/china/2017-11/16/content_34595221.htm
6. Christian Veith, Michael Bandlow, Michael Harnisch, Hariolf Wenzler, Markus Hartung, and Dirk Hartung (2016), *How Legal Technology Will Change the Business of Law*, The Boston Consulting Group et Bucerius Law School.
7. Community legal centre, *What makes a community legal centre?*, <https://clcs.org.au/what-makes-a-community-legal-centre-2/>
8. Đào Lê Thu, Phạm Tiến Thành (2024), “Mô hình giáo dục thực hành pháp luật trong thực tiễn đào tạo luật ở Úc và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường: Mô hình giáo dục thực hành pháp luật (CLE) trong đào tạo luật trên thế giới và liên hệ Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội.
9. Hoàng Thị Kim Quế (2002), “Một số đặc điểm cơ bản của pháp luật trong nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 4.
10. Hồ Nhân Ái (2023), “Đào tạo pháp luật thực hành - Một phương thức giảng dạy luật tiên tiến và triển vọng tại Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 5.

⁵⁷ Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật Bộ Tư pháp (2022), Tài liệu chuyên đề “Các hình thức phổ biến giáo dục pháp luật hiện nay”.

11. Hội đồng phối hợp hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật (2012), Đặc san tuyên truyền pháp luật, <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tl-pbgdpl/Pages/dacsan.aspx?ItemID=97>
12. Inner Melbourne Community Legal (2018), *Community Legal Education*, <https://imcl.org.au/our-services/community-legal-education/>
13. Inner Melbourne Community Legal (2018), *Our 40 Year*, <https://imcl.org.au/about-us/our-40-years/>
14. Inner Melbourne Community Legal (2023), *Annual Report 2022-2023*, https://imcl.org.au/assets/downloads/IMCL_AR24_FA_WEB.pdf
15. International Committee of the Red Cross (2003), *The Obligation to Disseminate International Humanitarian Law*, https://www.icrc.org/sites/default/files/document/file_list/obligation-dissemination-ihl
16. Lê Chi Mai (2003), *Cải cách dịch vụ công ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Lê Văn Đại (2012), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động trong các doanh nghiệp tại địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Nguyễn Hiền Phương (2024), “Giáo dục thực hành pháp luật và lịch sử phát triển của giáo dục thực hành pháp luật trong đào tạo luật trên thế giới và Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp trường: Mô hình giáo dục thực hành pháp luật (CLE) trong đào tạo luật trên thế giới và liên hệ Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Đào (2016), *Xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: Cần giải pháp quyết liệt*, <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=70>
20. Nguyễn Thị Quế Anh, Vũ Công Giao, Mai Văn Thắng (2019), *Trí tuệ nhân tạo với pháp luật về quyền con người*, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb. Tư pháp.
21. Nguyễn Văn Năm, Nguyễn Minh Đoan (đồng chủ biên) (2022), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Tư pháp.
22. Nguyễn Văn Quang (chủ nhiệm) (2010), *Hoàn thiện khung pháp luật về xã hội hoá cung ứng dịch vụ công ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội.
23. Trần Văn Tuyền (2022), *Quan niệm về xã hội hoá hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của nhà nước*, <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx?ItemID=188>
24. World Economic Forum (2019), *5 factors driving the Chinese lawtech boom*, <https://www.weforum.org/stories/2019/04/5-factors-driving-the-chinese-lawtech-boom/>, World Economic Forum.
25. World Justice Project (2023), *Dissecting the Justice Gap in 104 Countries*, <https://worldjusticeproject.org/our-work/research-and-data/wjp-justice-data-graphical-report-i>
26. Xin Wen (2017), *Robot gives guidance in Beijing court*, https://www.chinadaily.com.cn/china/2017-10/13/content_33188642.htm
27. Young Nam Cho (2004), “Law Dissemination Campaign in China: The Origin of Chinese ‘Rule of Law’ Policy”, *Journal of International and area Studies*.